

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2022

V/v Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

2. Ông Phan Công Ny

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 830/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Cẩm T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: phường An H, quận N, thành phố Cần Thơ. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Nghĩa T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: phường Cái K, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Cao Thị Cẩm T trình bày và yêu cầu:

Qua tìm hiểu, bà và ông Trương Nghĩa T1 tự nguyện yêu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hòa thuận. Tuy nhiên, kể từ khoảng đầu năm 2016 trở lại đây, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Bà và ông T1 đã cố gắng tìm cách dung hòa tình cảm để cuộc sống hôn nhân tốt đẹp như trước nhưng vẫn không T1hể cứu vãn nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay hôn nhân giữa bà và ông T1 không T1hể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Nghĩa T1.

Thời gian chung sống giữa bà và ông T11 có với nhau 01 con chung là Trương Quỳnh N (nữ) sinh ngày 09/8/2011 khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông T11 cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên sau thời gian suy nghĩ lại tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 26/9/2022 bà T thay đổi yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, bà vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu ông T11 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định thời gian chung sống giữa bà và ông T1 không có nợ chung hay tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không T1hể tham gia phiên tòa, bà Cao Thị Cẩm T có đề nghị được xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Trương Nghĩa T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Cao Thị Cẩm T và ông Trương Nghĩa T1 xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Do ông T1 hiện có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 156/16A Đoàn Thị Điểm, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Cao Thị Cẩm T cho rằng quan hệ hôn nhân giữa ông Trương Nghĩa T1 và bà hiện tại phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có biện pháp hàn gắn, đã không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau; hiện nay mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân; Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải đoàn tụ cho các đương sự nhưng ông T1 vắng mặt xem như không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, hiện hôn nhân giữa ông bà chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Nay bà T cương quyết ly hôn, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho bà T, yêu cầu ly hôn của bà đối với ông T1 là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa ông bà có 01 con chung là Trương Quỳnh N (nữ) sinh ngày 09/8/2011 khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu N đang sống ổn định với bà T, cháu đã trên 7 tuổi và tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án cháu N thể hiện ý chí muốn được tiếp tục sống với mẹ như hiện nay. Do đó, việc bà T yêu cầu được nuôi trực tiếp con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà T trình bày thời gian chung sống bà và ông T1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Cao Thị Cẩm T chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị Cẩm T đối với ông Trương Nghĩa T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Cao Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trương Nghĩa T1.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Trương Quỳnh N (nữ) sinh ngày 09/8/2011 cho bà Cao Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trương Nghĩa T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông T1 không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: bà Cao Thị Cẩm T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000577 ngày 23/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí phải nộp. Các đương sự đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu VT;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Thị Bé Hiền